TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2024/HS-ST
Ngày: 20/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Lê Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Phương Thúy;
2. Ông Nguyễn Đình Rành.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trịnh Hoàng Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 83/2024/HSST ngày 23 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 06 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2024/HSST-QĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024; Thông báo về việc dời ngày xét xử số: 10/2024/TB-MPT ngày 01 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo sau:

1/ Họ và tên: Trần Minh S, sinh năm 1988 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 803 lô B Chung cư S, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Thế L (đã chết) và bà Lê Thị Cẩm V; Bị cáo chưa có vợ và con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/4/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: Nguyễn Ngọc H, sinh năm 2004 tại Cần Thơ; giới tính: Nữ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: Không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Trung N và bà Bùi Thị H1; Bị cáo có 01 con, sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/04/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

3/ Họ và tên: Nguyễn Trung N1, sinh năm 1997 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 24 đường F (KDC Đ), Ấp E, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 11/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Trung C và bà Lê Thị Bích T; Bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/04/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

4/ Họ và tên: Ngô Văn V1, sinh năm 1989 tại Hà Nội; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị L1; Bị cáo có vợ và 02 con (lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/04/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

5/ Họ và tên: Phan Văn S1, sinh năm 1997 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 759/5/12/10 H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 344/75/29 C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Giao hàng; trình độ học vấn: 06/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Huỳnh Văn H2 và bà Phan Thị Mỹ T2; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/04/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

6/ Họ và tên: Trần Thanh Q, sinh năm 1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 3 G, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 192/5/6 L, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Giao hàng; trình độ học vấn: 06/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; không rõ cha và mẹ là bà Trần Thanh T3; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/04/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

7/ Họ và tên: Trương Tấn D, sinh năm 1997 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: A B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: A B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 11/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trương Tuấn H3 và bà Võ Thị Ngọc B; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/04/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

8/ Họ và tên: Nguyễn Thị Như H4, sinh năm 2004 tại Long An; giới tính: Nữ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An; nơi cư trú: Không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: tự do; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Hoàng P và bà Trần Thị Y; bị cáo chưa có chồng con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/04/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

9/ Họ và tên: Ngô Đăng T4, sinh năm 1989 tại Hà Nội; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn C, xã Đ, huyện H, Hà Nội; nơi cư trú: Không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Ngô Đăng H5 và bà Phí Thị X; bị cáo có 01 con, sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/04/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

10/ Họ và tên: Võ Thị Lan A, sinh năm 2002 tại Bến Tre; giới tính: Nữ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: kinh doanh tự do; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Võ Văn Ú và bà Phạm Thị L2; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo chưa có chồng con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/04/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Lê Thị Cẩm V, sinh năm 1959; địa chỉ: H Lô B, Chung cư S, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt);

- Ông Trần Minh T5, sinh năm 1994; địa chỉ: H Lô B, Chung cư S, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt);

- Ông Nguyễn Công N2, sinh năm 1997; địa chỉ: Số B, đường N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt);

- Bà Lê Yến N3, sinh năm 2006; địa chỉ: C Hồ Q, phường T, Thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Vắng mặt);

- Bà Hướng Thị Mỹ H6, sinh năm 1995; địa chỉ: Căn hộ . Chung cư L, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt);

- Bà Đinh Nguyễn Anh T6, sinh năm 2003; địa chỉ: Nhà trọ không số, hẻm H H, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt);

- Bà Võ Thị Phương Q1, sinh năm 2005; địa chỉ: 4 Cách mạng tháng tám, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt);

- Ông Lý Ngọc Q2; địa chỉ: E Lô B KDC T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt);

- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1970; địa chỉ: 4 Khu phố D, phường T, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt);

- Bà Từ Thị Mộng N4, sinh năm 1969; địa chỉ: G Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Ông Ngô Thanh B1, sinh năm 1986; địa chỉ: 2 N, Phường F, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt);

- Ông Trần Tuấn P1, sinh năm 1967; địa chỉ: 2 N, Phường F, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt);

- Bà Trương Thị Thanh T7, sinh năm 1975; địa chỉ: 5 Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Người bào chữa cho bị cáo:

Ông Lưu Văn B2, sinh năm 1977 là Luật sư thuộc Văn phòng L3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh L bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Như H4 – Vắng mặt.

Địa chỉ trụ sở: 243 Tổ F, Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào 00 giờ 30 phút ngày 13/04/2023 Công an phường T, Quận G tiến hành kiểm tra căn hộ B1.30.06 và căn hộ B Chung cư L đường N, phường T, Quận G do bị cáo Trần Minh S là chủ 02 căn hộ trên. Qua kiểm tra phát hiện bắt quả tang một số đối tượng gồm: Ngô Văn V1, Ngô Đăng t, Nguyễn Công N2, Hướng Thị Mỹ H6, Đinh Nguyễn Anh T6, Võ Thị Phương Q1. Tại căn hộ B phát hiện các đối tượng gồm: Nguyễn Trung N1, Phan Văn S1, Trần Thanh Q, Trương Tấn D, Nguyễn Thị Như H4, Lê Yến N3, Nguyễn Ngọc H, Trần Minh S và Võ Thị Lan A.

Tại cơ quan điều tra, các bị can khai nhận như sau:

Trong thời gian từ tháng 6 năm 2021 đến tháng 01 năm 2023, Trần Minh S thuê 03 căn hộ B, B1.17.07 và B2.20.02 chung cư L, phường T, Quận G. S nhờ mẹ ruột là bà Lê Thị Cẩm V và em trai Trần Minh T5 đứng tên ký hợp đồng thuê căn hộ. Trong đó một căn hộ B2.20.02 S thuê để ở còn 02 căn hộ B1.30.06 và B1.17.07 S cho người khác thuê lại để sử dụng trái phép chất ma túy. Mỗi căn hộ S mua các thiết bị như loa, đèn màu, đèn chiếu, thiết kế 01 phòng cho khách để sử dụng trái phép chất ma túy, phòng còn lại để sử dụng làm phòng ngủ. S cung cấp các loại đồ dùng gồm: đĩa sứ, khay bằng gỗ, ống cuộn tròn có ghi tiền Việt Nam, thẻ nhựa, để khách dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Ngoài ra khi khách có yêu cầu nữ phục vụ thì S gọi khách đến. Nếu người nữ đến căn hộ chỉ sử dụng ma túy với khách thì sẽ trả cho S 500.000 đồng/người. Nếu người nữ bán dâm cho khách thì trả cho S từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng một lần/người

Khoảng 21 giờ ngày 12/04/2023, Ngô Văn V1 rủ Ngô Đăng T4 và Nguyễn Công N2 thuê phòng để sử dụng trái phép chất ma túy. T4, N2 đồng ý. V1 nói T4 gọi điện thoại cho S thuê căn hộ sử dụng ma túy. T4 gọi cho S đặt phòng, yêu cầu S đưa 03 nữ phục vụ sử dụng ma túy và quan hệ tình dục. S đồng ý cho thuê căn hộ 30.06 và gọi điện thoại cho Hướng Thị Mỹ H6, Đinh

Nguyễn Anh T6 đến căn hộ trước. S kêu Võ Thị Lan A là bạn gái của S, gọi cho Võ Thị Phương Q1 đến để phục vụ. V1 đi xuống tầng hầm phòng trọ để mở cốp xe của T4 lấy gói ma túy mà V1 đã giấu trước đó, số ma túy này, V1 sử dụng với bạn trước đó còn dư cất giấu, tàng trữ. V1, T4, N5 đến căn hộ B1.30.06 trước, sau đó Đinh Nguyễn Anh T6, Hướng Thị Mỹ H6 và Võ Thị Phương Q1 đến. V1 lấy gói ma túy loại Ketamine và 04 mảnh vụn thuốc lắc màu xám đưa cho N2 dùng thẻ nhựa cà nhuyễn ma túy ra, đổ lên đĩa cho mọi người sử dụng. H6 ngồi với T4, Q1 ngồi với N2, T6 ngồi với V1. Q1 và T6 sử dụng ma túy cùng T4 và N2, còn H6 thì ngồi với T4 không sử dụng ma túy. Lúc này, V1 nói với T6 cho V1 quan hệ tình dục với giá 10.000.000 đồng. T6 đồng ý, cả hai vào phòng ngủ để quan hệ tình dục. Sau đó, T6 và V1 tiếp tục sử dụng ma túy cùng N2, Q1, T4. H6 vẫn ngồi với T4 nhưng không sử dụng ma túy, không quan hệ tình dục. Đến 00 giờ 30 phút ngày 13/04/2023 Công an phường T đến kiểm tra căn hộ B1.30.06 phát hiện bắt quả tang V1, T4, N2, Q1, T6 đang sử dụng trái phép chất ma túy. Thu giữ bên trong phòng sử dụng chất ma túy gồm: 01 đĩa sứ màu đen, trên đĩa còn có chất bột màu trắng và 04 mảnh vụn màu xám, 01 thẻ nhựa màu tím tên CHAU TRUONG GIANG, 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn tròn.

Khoảng 20 giờ ngày 11/04/2023, Phan Văn S1, Trương Tấn D, Nguyễn Trung N1 hẹn gặp, bàn nhau cùng hùn tiền mua ma túy, thuê phòng để sử dụng. D lấy điện thoại rủ thêm Trần Thanh Q đồng ý cùng hùn tiền mua ma túy sử dụng. Nguyên cung cấp tài khoản Facebook có Nick name "Trí Lâm" cho S1 đặt mua 10 gói ma túy hiệu Chali (nước vui) giá 2.000.000 đồng/gói. S1 nhận được ma túy. N1 gọi cho Danh Phi P2 qua Messenger thuê căn hộ AP1.21.04 chung cư T9 địa chỉ số C B, Phường A, Quận D với giá tiền thuê là 2.500.000 đồng/12 giờ. Khi N1, D, S1 đến căn hộ, N1 gọi điện cho bạn gái Nguyễn Ngọc H đến sử dụng ma túy. Khi H đến căn hộ, H nhắn tin rủ Lê Yến N3 đến sử dụng ma túy. N3 đồng ý. Tại căn hộ, S1 đổ ma túy nước vui hiệu Chali pha chế cùng nước ngọt "bò húc" cho vào chai nhựa hiệu "Aquafina" cho N1, D, S1, H, N3 sử dụng. Lúc này, D chưa thấy Q đến nên gọi điện cho Q và Nguyễn Thị Như H4 đến. Khoảng 11 giờ ngày 12/04/2023 H4 và Q đến căn hộ lấy chai ma túy "nước vui" sử dụng. H4 nói để H4 mua 01 gói ma túy loại Ketamine cho tất cả bạn bè cùng sử dụng. Khi thấy không ai có ý kiến gì, H4 gọi điện thoại qua M cho người thanh niên có Nick name là "Trần Thuận" đặt mua 01 gói ma túy loại Ketamine có giá 7.000.000 đồng. Khoảng 30 phút sau, 01 người thanh niên chạy xe grab mang 01 gói ma túy đến trước chung cư T cho H4. Khi nhận được ma túy, H4 mang lên căn hộ bỏ ra cho mọi người cùng sử dụng. Khoảng 17 giờ 00 ngày 12/04/2023 khi bị bảo vệ Chung cư The TreSor đến nhắc nhở do mở nhạc to. Cả nhóm trả phòng và tìm thuê căn hộ khác tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy.

Khoảng 20 giờ ngày 12/04/2023, H điện thoại cho Trần Minh S thuê căn hộ để cả nhóm sử dụng ma túy. S đồng ý cho thuê căn hộ B Chung cư L. Đến

khoảng 18 giờ cùng ngày N1, H, N3 và S1 đến căn hộ trước, còn Q gom số ma túy còn lại cho vào 01 túi nylon gồm: 01 chai nhựa (A2) có chứa ma túy "nước vui" đã được pha trộn vào nước bò húc, 01 gói ma túy loại Ketamine cùng D, H4 đến căn hộ sau. Sau khi vào căn hộ, Q lấy ma túy ra để trên bàn, N3 đổ ma túy vào khay bằng gỗ có sẵn tại căn hộ rồi dùng thẻ nhựa cà nhuyễn ma túy ra cho mọi người cùng sử dụng. Tại căn hộ B, N1, D, S1, H, N3, H4, Q đều sử dụng cả 02 loại ma túy Ketamine và ma túy "nước vui". Tiền mua ma túy Chali "nước vui", tiền thuê căn hộ Nguyên S2, D và Q hùn tiền trả.

Khi đến căn hộ B1.17.07 Nguyên có mang theo dụng cụ chỉnh nhạc DJ, S nhìn thấy nhắn tin cho H xin cho bạn gái Võ Thị Lan A vào nghe nhạc. H đồng ý, S và Lan A vào căn hộ B1.17.07 nghe nhạc được khoảng 15 phút thì Công an phường T đến kiểm tra phát hiện bắt quả tang N1, D, S2, H, N3, H4, Q đang tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Võ Thị Lan A khai nhận: Lan A biết số người mà S đưa vào căn hộ là để sử dụng trái phép chất ma túy do những lần ở cùng với S. Đồng thời Lan A có nghe S nói chuyện qua điện thoại về việc cho người khác đến thuê phòng để sử dụng ma túy nhưng Lan A không bàn bạc, không tham gia vào việc S cho khách thuê phòng. Lan A có quen biết với Võ Thị Phương Q1 phục vụ khách sử dụng ma túy nhưng không phục vụ tình dục nên 02 lần kêu Q1 đến căn hộ phục vụ khách theo yêu cầu của S. Lần đầu cách đây khoảng 06 tháng, Q1 tiếp khách xong, bồi dưỡng cho Lan A 500.000 đồng. Ngày 11/04/2023 S có gọi điện thoại cho Lan A qua căn hộ của S cùng ăn uống, sau đó Lan A nghỉ tại căn hộ. Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 12/04/2023 Lan A thấy Ngô Đăng T4, Ngô Văn V1, Nguyễn Công N2 vào trong căn hộ. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, S gọi điện thoại cho Đinh Nguyễn Anh T6, Hướng Thị Mỹ H6 đến căn hộ. S nói với Lan A nhờ kêu giùm một người nữ đến tiếp khách. Lan A gọi điện cho Võ Thị Phương Q1 đến để phục vụ khách. Khoảng 00 giờ 15 phút, ngày 13/04/2023 S rủ Lan A đi xuống căn hộ B1.17.07 để nghe nhạc. Khoảng 00 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an phường T kiểm tra phát hiện N1, D, S2, Q, N3, H, H4, S và Lan A mời về trụ sở công an làm việc. Thu giữ bên trong phòng sử dụng trái phép chất ma túy gồm: 01 khay bằng gỗ hình chữ nhật bên trên bề mặt khay gỗ còn bám lại một ít chất bột màu trắng, 01 gói nylon có chứa 02 mảnh vụn màu nâu, 01 viên nén màu xanh; khay gỗ hình chữ nhật; một thẻ nhựa màu xanh tên NGUYEN THANH PHUC, 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn tròn.

Hướng Thị Mỹ H6, Võ Thị Phương Q1 và Đinh Nguyễn Anh T6 khai nhận: Do cần tiền nên đồng ý ngồi tiếp khách nam tại các phòng bay lắc, mỗi lần tiếp khách được trả 3.000.000 đồng, khi nhận tiền từ khách thì đưa lại cho S 500.000 đồng. Khi khách có yêu cầu mua dâm, Đinh Nguyễn Anh T6 thực hiện bán dâm, mỗi lần bán dâm từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng, sau đó T6 đưa lại cho S từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. T6 đã được S gọi đến căn hộ B1.30.06 bán dâm được 03 lần cho khách. Lần thứ nhất bán dâm

cho 01 người khách nam (không rõ lai lịch) khoảng 06 tháng trước được 10.000.000 đồng, T6 đưa cho S 2.000.000 đồng. Lần thứ 02 bán dâm cho 01 người khách nam (không rõ lai lịch) khoảng 02 tuần trước khi bị bắt quả tang được 15.000.000 đồng, T6 đưa cho S 5.000.000 đồng. Lần thứ 03 bán dâm cho V1 vào ngày 12/04/2023 với giá 10.000.000 đồng nhưng chưa nhận tiền từ V1 thì bị bắt. Còn H6 được S gọi đến căn hộ ngồi tiếp khách nam, không quan hệ tình dục, được khách trả tiền là 3.000.000 đồng cách đây 06 tháng, H6 trả cho S 500.000 đồng. Lần thứ 02 ngày 12/04/2023, H6 chưa nhận tiền từ khách thì bị bắt. Q1 được Võ Thị Lan A gọi đến tiếp khách được 02 lần tại căn hộ. Lần thứ nhất ngồi tiếp khách nam được khách trả tiền 3.000.000 đồng cách đây 06 tháng. Q1 đưa cho Lan A 500.000 đồng. Lần thứ hai ngày 12/04/2023 Q1 chưa nhận được tiền thì bị bắt.

Kết luận giám định số: 3760/KL-KTHS ngày 24/04/2023 của Phòng K Công an T10 kết luận: 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng là ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,0689g (không phẩy không sáu tám chín gam) loại Ketamine; 01 gói nylon chứa chất bột màu xám là ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,1508g (không phẩy một năm không tám gam) loại MDMA, Ketamine. Đây là ma túy của Ngô Văn V1, thu giữ tại phòng khách của căn hộ B1.30.06.

Kết luận giám định số: 3761/KL-KTHS ngày 24/04/2023 của Phòng K công an T10 kết luận: 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng là ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,0098g (không phẩy không không chín tám gam) loại Ketamine; 01 viên nén màu xanh là ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,5063g (không phẩy năm không sáu ba gam) loại MDMA; 02 mảnh vụn màu nâu là ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,4871g (không phẩy bốn tám bảy một gam) loại MDMA. Thu giữ tại phòng khách của căn hộ B1.17.07 gồm 0,0098g loại Ketamine là ma túy của Nguyễn Thị Như Huỳnh . Khi khám xét tại phòng này phát hiện 01 viên nén màu xanh là ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,5063g loại MDMA; 02 mảnh vụn màu nâu là ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,4871g loại MDMA. Qua điều tra không xác định được nguồn gốc số ma túy này là của ai.

*** Vật chứng thu giữ:**

- 01 (một) gói được niêm phong bên ngoài có chữ kí ghi tên Ngô Văn V1 và hình dấu Công an phường T, Quận G;

- 01 (một) gói được niêm phong bên ngoài có chữ kí ghi tên Nguyễn Thị Như H4, Trần Minh S (người chứng kiến) và hình dấu Công an phường T, Quận G;

- 01 (một) gói được niêm phong bên ngoài có chữ kí ghi tên Trần Minh S (người chứng kiến) và hình dấu Công an phường T, Quận G.

Thu giữ của Trần Minh S:

- 01 (một) đĩa sứ màu đen;

- 01 (một) khay gỗ;

- 01 (một) thẻ nhựa ATM của Ngân hàng T11 màu tím có ghi tên CHAU TRUONG GIANG;

- 02 (hai) tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn tròn dạng ống hút;

- 01 (một) thẻ nhựa ATM Ngân hàng B3 tên NGUYEN THANH PHUC, màu xanh;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max, màu tím, số IMEI 1: 356200543443200; số IMEI 2: 356200543016634, số thuê bao: 0964182999;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, màu vàng, số IMEI 1: 35727909374455; số IMEI 2: 357279093668134, số thuê bao: 0936150703;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu S4 Z Fold 3 5G, màu đen, số IMEI 1: 356254950582711; số IMEI 2: 359073940582717, không có sim;

- 01 (một) đèn chiếu Lazer, màu bạc, không nhãn hiệu, loại TX888;

- 01 (một) đèn chiếu Lazer, màu đen, không nhãn hiệu, loại K10+;

- 01 (một) đèn chiếu Lazer, màu đen xám, không nhãn hiệu và 01 (một) Remote đi kèm;

- 01 (một) máy chiếu màu đen, không nhãn hiệu;

- 02 (hai) loa âm thanh, màu đen, hiệu KPK-SYSTEMS, loại Classic 5;

- 01 (một) loa âm thanh, màu đen, hiệu L4 2623 và 01 (một) loa nhỏ đi kèm;

- 01 (một) máy chiếu, màu trắng, không nhãn hiệu, loại TX888;

- 01 (một) máy chiếu, màu đen, không nhãn hiệu;

- 01 (một) đèn chiếu, màu đen, không nhãn hiệu, có ký hiệu hình ngôi sao tại chân đế;

- 01 (một) máy chiếu, màu trắng, không nhãn hiệu;

- 01 (một) máy chiếu Lazer, màu đen, không nhãn hiệu;

- 05 (năm) bình kim loại, màu xanh;

- 01 (một) loa âm thanh, màu trắng, hiệu Harman/ Kardon;

- 01 (một) xe gắn máy hiệu SH 150i, biển số: 59H1-831.16. Qua xác minh chiếc xe này do S đứng tên làm chủ sở hữu;

Thu giữ của Ngô Văn V1:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu S4, màu bạc, số IMEI: 35281006471004, số thuê bao: 0976543881.

Thu giữ của Ngô Đăng T4:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, màu vàng, số IMEI: 357265099899047, số thuê bao: 0941002222.

Thu giữ của Đinh Nguyễn Anh T6:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max, màu xanh, số IMEI: 352051694471886 5353, số thuê bao: 0396493630.

Thu giữ của Võ Thị Phương Q1:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max, màu tím, số IMEI: 355656663389104, số thuê bao: 0879499769.

Thu giữ của Hướng Thị Mỹ H6:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max, màu vàng, số IMEI: 353776398849008, số thuê bao: 0931404098.

Thu giữ của Nguyễn Ngọc H:

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 13 Pro Max, màu vàng, số IMEI 1: 354786257181475; số IMEI 2: 354786257185211, số thuê bao: 0798386262.

Thu giữ của Trần Thanh Q:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Vsmart, màu xanh, số IMEI 1: 351088466032877, số IMEI 2: 351088466032885, số thuê bao: 0934112733.

Thu giữ của Phan Văn S1:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max, màu tím, số IMEI 1: 357853683994215; số IMEI 2: 357853683862230.

Thu giữ của Võ Thị Lan A:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, số IMEI 1: 356696081370667, số thuê bao: 0962966641.

Thu giữ của Trương Tấn D:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, màu trắng, số IMEI 1: 353902101328227; số IMEI 2: 353902101414027, số thuê bao: 0938238059;

- 01 (một) xe gắn máy hiệu Honda Vario biển số: 50N1-970.99. Qua xác minh chiếc xe trên do Trương Tấn D đứng tên chủ sở hữu.

Thu giữ của Nguyễn Thị Như H4:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X, màu trắng, số IMEI: 354839094835173, số thuê bao: 0793369698;

- 01 (một) máy chỉnh nhạc hiệu Pioneer DJ, loại XDJ-RX3, màu đen, số seri: BKMP006241YY (thu giữ tại phòng ngủ B1.17.07.

Thu giữ của Lê Yến N3:

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 13 Pro Max, màu xanh số IMEI 1: 356955705683642; số IMEI 2: 356955705613342, số thuê bao: 0765408480.

Tại bản Cáo trạng số: 10/CT-VKS ngày 18/12/2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Minh S về tội "Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b, d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội "Môi giới mại dâm" theo điểm d Khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Bị cáo Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Trung N1, Phan Văn S1, Trần Thanh Q, Trương Tấn D, Nguyễn Thị Như H4 về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Bị cáo Ngô Văn V1 và Ngô Đăng T4 về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Bị cáo Võ Thị Lan A về tội "Không tố giác tội phạm" theo khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên xử bị cáo Trần Minh S về tội "Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy" và tội "Môi giới mại dâm"; Các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Trung N1, Phan Văn S1, Trần Thanh Q, Trương Tấn D, Nguyễn Thị Như H4, Ngô Văn V1, Ngô Đăng T4 về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; Bị cáo Võ Thị Lan A về tội "Không tố giác tội phạm".

- Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm d Khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Trần Minh S từ 08 (T) năm 03 (ba) tháng đến 09 (chín) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy" và từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Môi giới mại dâm".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt 02 tội theo quy định pháp luật.

- Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Trung N1, Phan Văn S1, Trần Thanh Q, Trương Tấn D, Nguyễn Thị Như H4 từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Ngô Văn V1 từ 07 (bảy) năm đến 08 (T8) năm tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Ngô Đăng T4 từ 07 (bảy) năm đến 08 (T8) năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 390; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Võ Thị Lan A từ 06 (Sáu) tháng đến 01 (Một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 02 (hai) năm.

Đề nghị Hội đồng xét xử, buộc bị cáo Trần Minh S nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 210.000.000 (hai trăm mười triệu) đồng về hành vi chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy và số tiền thu lợi bất chính 4.000.000 (bốn triệu) đồng về hành vi môi giới mại dâm.

Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Luật sư Lưu Văn B2 là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Như H4 thống nhất về tội danh và điều luật và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò của bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn ngoài ra xem xét cho bị cáo phạm tội lần đầu, bản thân là học sinh, nhận thức còn non trẻ, ham vui nông nổi, bị bạn bè lôi kéo cám dỗ nên nhất thời lầm đường lạc lối. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử bị cáo mức đầu khung hình phạt là 07 năm tù để thể hiện tính chất nhân đạo, khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo sớm hòa nhập với xã hội, làm lại cuộc đời.

Đối đáp lại quan điểm của luật sư, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố vì đã cân nhắc vai trò, hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Các bị cáo khai nhận hành vi của mình phù hợp với nội dung vụ án được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

- Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q3, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không

có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp .

[2] Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa xét có đủ cơ sở để kết luận:

Bị cáo Trần Minh S thuê 03 căn hộ B1.30.06, B1.17.07 và B2.20.02 chung cư L, phường T, Quận G. S nhờ mẹ ruột Lê Thị Cẩm V và em trai Trần Minh T5 đứng tên ký hợp đồng thuê căn hộ. Trong đó một căn hộ B2.20.02 S thuê để ở còn 02 căn hộ B1.30.06 và B1.17.07 S cho người khác thuê lại để sử dụng trái phép chất ma túy. Mỗi căn hộ S mua các thiết bị như loa, đèn màu, đèn chiếu, thiết kế 01 phòng cho khách để sử dụng trái phép chất ma túy, phòng còn lại để sử dụng làm phòng ngủ.

Khoảng 21 giờ ngày 12/04/2023 Ngô Đăng T4 gọi điện thoại cho Trần Minh S thuê căn hộ để sử dụng ma túy, S đồng ý cho T4 thuê căn hộ B1.30.06 Chung cư L với giá là 2.500.000 đồng/12 giờ; Khoảng 17 giờ ngày 12/04/2023 Nguyễn Ngọc H điện thoại cho Trần Minh S thuê để sử dụng ma túy, S đồng ý cho H thuê căn hộ B1.17.07 Chung cư L với giá là 2.500.000 đồng/12 giờ để nhóm của H sử dụng ma túy.

Xét thấy, bị cáo Trần Minh S chỉ quen biết bị cáo T4 và bị cáo H, sau đó bị cáo S cho bị cáo Ngô Đăng T4 và bị cáo Nguyễn Ngọc H thuê các căn hộ để sử dụng ma túy nhằm mục đích thu lợi bất chính. Bị cáo Trần Minh S không cung cấp ma túy, không biết các bị cáo còn lại sử dụng ma túy tại các căn hộ mà bị cáo cho thuê. Do vậy, hành vi của bị cáo Trần Minh S đã đủ các yếu tố cấu thành tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên và đối với 02 người trở lên được quy định tại điểm b, d Khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngoài ra bị cáo Trần Minh S còn thực hiện hành vi trung gian dẫn dắt cho Đinh Nguyễn Anh T6 thực hiện hành vi mua, bán dâm với Ngô Văn V1 và hai nam thanh niên không rõ lai lịch, bị cáo thực hiện hành vi trên 03 lần nhằm mục đích thu lợi bất chính. Tại phiên tòa bị cáo S thừa nhận chỉ môi giới mại dâm 01 lần vào ngày 12/4/2023, đối với 02 lần môi giới mại dâm trước đó bị cáo không thực hiện, tại cơ quan điều tra bị cáo khai đã môi giới mại dâm 02 lần là do cán bộ điều tra đọc cho bị cáo ghi.

Hội đồng xét xử xét thấy, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra là phù hợp với lời khai của người bán dâm Đinh Nguyễn Anh T6, trước đó bị cáo đã thu tiền bán dâm của T6 được 02 lần, mỗi lần được 2.000.000 (hai triệu) đồng. Đinh Nguyễn Anh T6 khai trước đó đã đến căn hộ B chung cư L để phục vụ ma túy và mại dâm theo yêu cầu của S được 02 lần, đến lần thứ 3 là ngày 12/4/2023 thì bị cơ quan chức năng phát hiện. Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo cũng xác định trong quá trình điều tra, truy tố không bị ép cung, mớm cung, nhục hình; bị cáo cũng không có khiếu nại gì đối với hành vi của Điều

tra viên, Kiểm sát viên; Cơ quan cảnh sát điều tra Quận G, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, do vậy không có căn cứ để chấp nhận lời khai của bị cáo tại phiên tòa. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Môi giới mại dâm" thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo Trần Minh S trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý Nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Ngoài ra hành vi môi giới mại dâm của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến trật tự công cộng, đạo đức, thuần phong mỹ tục, ảnh hưởng đến sức khoẻ con người bởi đó là nguyên nhân lây truyền căn bệnh thế kỷ HIV và các bệnh xã hội khác nhưng vì ham lợi nên bị cáo cố ý thực hiện.

Bị cáo Ngô Đăng T4 thực hiện hành vi gọi điện thoại cho Trần Minh S thuê căn hộ để tổ chức sử dụng ma túy cho bị cáo V1 và Nguyễn Công N2. Bị cáo Ngô Văn V1 là người cung cấp ma túy cho Ngô Đăng T4, Nguyễn Công N2, Đinh Nguyễn Anh T6, Võ Thị Phương Q1 sử dụng ma túy.

Các bị cáo Nguyễn Trung N1, Phan Văn S1, Trần Thanh Q, Trương Tấn D thực hiện hành vi cùng nhau hùn tiền để thuê căn hộ AP1.21.04 chung cư The TreSor, địa chỉ C B, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh và căn hộ B Chung cư L đường N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và cùng nhau hùn tiền để mua ma túy để cho cả bọn cùng sử dụng chung với Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Thị Như H4, Lê Yến N3 để sử dụng ma túy.

Bị cáo Nguyễn Thị Như H4 có hành vi mua 01 gói ma túy loại Ketamine với giá 7.000.000 đồng cho cả nhóm cùng sử dụng tại căn hộ AP1.21.04 chung cư The TreSor, địa chỉ C B, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh và căn hộ B Chung cư L đường N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo Nguyễn Ngọc H có hành vi rủ Lê Yến N3 sử dụng ma túy và gọi điện thoại cho Trần Minh S để đặt thuê giúp căn hộ B Chung cư L đường N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cho cả nhóm cùng sử dụng ma túy.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Trung N1, Phan Văn S1, Trần Thanh Q, Trương Tấn D, Nguyễn Thị Như H4, Nguyễn Ngọc H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên và đối với 02 người trở lên quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi của các bị cáo Ngô Văn V1, Ngô Đăng T4 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" thuộc trường hợp đối với 02 người trở lên quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi của các bị cáo Ngô Văn V1, Ngô Đăng T4, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Trung N1, Phan Văn S1, Trần Thanh Q, Trương Tấn D, Nguyễn Thị Như H4 trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý Nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo đều nhận thức rõ được tác hại của ma túy nhưng vì mục đích sử dụng ma túy để thỏa mãn bản thân, chiêu đãi bạn bè mà đã thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo Võ Thị Lan A biết Trần Minh S có hành vi cho thuê phòng cho các bị cáo khác và những người khác tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo tuy không bàn bạc, không tham gia cùng S vào việc cho khách thuê phòng nhưng vẫn để mặc cho S thực hiện hành vi. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan tố tụng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm và người phạm tội, gây mất trật tự trị an trên địa bàn.

Hành vi của bị cáo Võ Thị Lan A đã đủ yếu tố cấu thành tội "Không tố giác tội phạm" theo khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Như Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đối với bị cáo Trần Minh S, tại phiên tòa bị cáo không thành khẩn khai báo nên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Võ Thị Lan A phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngoài ra bị cáo Ngô Đăng T4 có ông nội là ông Ngô Đăng V2 là liệt sĩ; Bị cáo Nguyễn Ngọc H có ông nội là ông Nguyễn Văn D1 là liệt sĩ trong sự nghiệp chống mỹ cứu nước, bị cáo có con còn nhỏ (sinh năm 2021); Bị cáo Võ Thị Lan A có ông ngoại là Phạm Văn N6 được tặng Giấy khen hạng ba của Chủ tịch nước do đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Do vậy, các bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Các bị cáo đều đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, vụ án có nhiều bị cáo tham gia. Tuy nhiên, đây chỉ là hành vi đồng phạm giản đơn, không có sự tổ chức và cấu kết chặt chẽ giữa các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử phân tích hành vi và vai trò của từng bị cáo trong vụ án, để có mức hình phạt tương xứng đối với từng bị cáo cụ thể:

- Đối với bị cáo Trần Minh S thực hiện hành vi phạm tội kéo dài từ khoảng tháng 6 năm 2021 đến ngày bị bắt là 13/4/2023 nhằm mục đích thu lợi bất chính; bị cáo là người chủ động thuê các căn hộ chung cư, cải tạo, trang bị các thiết bị như đèn chiếu lazer, máy chiếu, loa âm thanh tạo nên những điều kiện vật chất để cho những người nghiện ma túy tổ chức sử dụng ma túy; Ngoài ra bị cáo còn kết hợp với hành vi môi giới mại dâm cho những đối tượng sử dụng ma túy có nhu cầu. Do vậy cần có mức án nghiêm khắc nhất đối với bị cáo trong vụ án.

- Đối với các bị cáo Nguyễn Trung N1, Phan Văn S1, Trần Thanh Q, Trương Tấn D đã có hành vi khởi xướng, rủ rê những người khác sử dụng ma túy. Các bị cáo cùng nhau chủ động hùn tiền mua ma túy và thuê các căn hộ để cả nhóm cùng sử dụng ma túy do vậy cũng cần có mức án nghiêm khắc hơn các bị cáo khác.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị Như H4 đã có hành vi chủ động đề xuất mua ma túy cho cả nhóm cùng sử dụng nên nghĩ cũng phải có mức án nghiêm khắc đối với bị cáo.

- Đối với bị cáo Ngô Văn V1, Ngô Đăng T4 cũng có hành vi khởi xướng, rủ rê những người khác sử dụng ma túy. Chủ động thuê căn hộ, cung cấp ma túy cho những người khác sử dụng nên cũng cần có mức án nghiêm khắc đối với các bị cáo.

- Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H có vai trò hạn chế hơn các bị cáo khác, bị cáo được bị cáo Nguyễn Trung N1 rủ đến căn hộ để sử dụng ma túy, bị cáo không cung cấp ma túy. Tuy nhiên do bị cáo quen biết với bị cáo S nên đã có hành vi gọi điện thoại để thuê giùm căn hộ khác cho N1, S1, Q, D để cả nhóm có nơi để tổ chức sử dụng ma túy. Do vậy cũng cần có mức án tương xứng với hành vi của bị cáo.

- Đối với bị cáo Võ Thị Lan A, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, nên không cần thiết phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà cho cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục bị cáo thành công dân có ích, nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 2 Nghị Quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo với thời gian thử thách nhất định cũng đủ tác dụng riêng, răn đe và phòng ngừa chung đối với bị cáo và đáp ứng được yêu cầu phòng chống tội phạm tại địa phương.

[5] Xét thấy, các bị cáo đang bị tạm giam, ngoài bị cáo Trần Minh S, các bị cáo khác phạm tội không nhằm mục đích thu lợi bất chính, các bị cáo không có việc làm ổn định. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Cần buộc bị cáo Trần Minh S phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 214.000.000 (hai trăm mười bốn triệu) đồng để sung quỹ nhà nước.

[7] Đối với những người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

Đối với Lê Yến N3, Nguyễn Công N2 không hùn tiền mua ma túy, mà chỉ được rủ đến để sử dụng ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q3, lập hồ sơ đề nghị xử lý hành chính là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với người thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) bán ma túy cho Ngô Đăng T4 và người có nickname Trí Lâm, Trần Thuận bán ma túy cho Phan Văn S1, Nguyễn Thị Như H4, do không xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q3 tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý sau.

Đối với ông Lý Ngọc Q2, Nguyễn Thị Đ là chủ căn hộ; bà Lê Thị Cẩm V, ông Trần Minh T5 đứng tên ký hợp đồng thuê căn hộ giúp S. Ông Q2, bà Đ, bà V và ông T5 không biết S thuê các căn hộ B1.30.06 và B1.17.07 nhằm chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy nên cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý, nên Hội đồng xét xử không xét

Đối với Hướng Thị Mỹ H6, Võ Thị Phương Q1 và Đinh Nguyễn Anh T6 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q3, lập hồ sơ đề nghị xử lý hành chính.

Đối với Danh Phi P2 là đối tượng mà Nguyễn Trung N1 gọi điện thoại để thuê căn hộ AP1.21.04 chung cư The TreSor địa chỉ số C B, Phường A, Quận D Cơ quan cảnh sát điều tra đã xác minh, tuy nhiên không rõ nhân thân lai lịch, Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

[8] Đối với hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy:

Khi khám xét tại phòng B1-17.07 phát hiện 01 viên nén màu xanh là ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,5063g loại MDMA; 02 mảnh vụn màu nâu là ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,4871g loại MDMA. Qua điều tra chưa xác định được của ai tàng trữ nên chưa có căn cứ xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q3 tiếp tục truy xét, đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với hành vi của Ngô Văn V1 tàng trữ 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng là ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,0689g loại Ketamine, chưa đủ dấu hiệu hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Đối với số ma túy là 01 gói nylon chứa chất bột màu xám là ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,1508g loại MDMA, Ketamine. Theo công văn số 2038/PC09-Đ4 ngày 19/10/2023 của Phòng K Công an T10 trả lời: Bột màu xám là ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,1508g loại MDMA, Ketamine. Theo thông tư liên tịch 08/2015 ngày 14/11/2015 của Bộ C1 – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Tòa án nhân dân tối

cao – Bộ tư pháp, các mẫu trên không thuộc các trường hợp bắt buộc phải giám định hàm lượng. Kết quả điều tra không tách được hàm lượng ma túy nên chưa có căn cứ xử lý. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với hành vi của Nguyễn Thị Như H4 tàng trữ 0,0098 gram loại Ketamine, số ma túy không đủ dấu hiệu hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

[9] Xử lý vật chứng vụ án:

- 01 (một) cái điện thoại di động hiệu SamSung, màu bạc, số IMEI 35281006471004, số thuê bao: 0976543881 của V1 (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong). Đây là tài sản riêng của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Ngô Văn V1.

- 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, màu vàng, số IMEI 357265099899047, số thuê bao: 0941002222, của T4 (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong). Chiếc điện thoại trên liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max, màu xanh, số IMEI 3520516944718865353, số thuê bao: 0396493630, của T6 (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong). Chiếc điện thoại trên liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max, màu tím, số IMEI 355656663389104, số thuê bao: 0879499769, của Q1 (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong). Chiếc điện thoại trên liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max, màu vàng, số IMEI: 353776398849008, số thuê bao: 0931404098, của H6 (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong). Chiếc điện thoại trên liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max, màu vàng, số IMEI 1: 354786257181475, số IMEI2: 354786257185211, số thuê bao: 0798386262, của H (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong). Chiếc điện thoại trên liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max, màu tím, số IMEI 1: 357853683994215; số IMEI 2: 357853683862230, của S1 (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong). Chiếc điện thoại trên liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Vsmart, màu xanh, số IMEI 1: 351088466032877; số IMEI 2: 351088466032885, số thuê bao: 0934112733, của Q2 (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong). Chiếc điện thoại trên liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, số IMEI 1: 356696081370667, số thuê bao: 0962966641, của Lan A (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong). Chiếc điện thoại trên liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, màu trắng, số IMEI 1: 353902101328227 ; số IMEI 2: 353902101414027, số thuê bao: 0938238059, của D (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong). Chiếc điện thoại trên liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) chiếc xe máy hiệu Honda Vario biển số : 50N1-970.99. Qua xác minh chiếc xe trên do Trương Tấn D đứng tên chủ sở hữu, liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Iphone X, màu trắng, số IMEI: 354839094835173, số thuê bao: 0793369698, của H4 (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong). Chiếc điện thoại trên liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) cái máy chỉnh nhạc hiệu Pioneer DJ, loại XDJ-RX3, màu đen, số Seri : BKMP006241YY (đã qua sử dụng). Chiếc điện thoại trên liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max, màu xanh, số IMEI 1: 356955705683642; số IMEI 2: 356955705613342, số thuê bao: 0765408480, của N3 (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong). Chiếc điện thoại trên liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) cái đĩa sứ màu đen là công cụ dùng cho mục đích phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) cái khay gỗ là công cụ dùng cho mục đích phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) cái thẻ nhựa ATM của ngân hàng T11 màu tím có ghi tên CHAU TRUONG GIANG là công cụ dùng cho mục đích phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 02 (hai) tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn tròn dạng ống hút là công cụ dùng cho mục đích phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) cái thẻ nhựa ATM ngân hàng B3 tên NGUYEN THANH PHUC, màu xanh là công cụ dùng cho mục đích phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max, màu tím, số IMEI 1: 356200543443200; số IMEI 2: 356200543016634, số thuê bao: 0964182999, của S (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong). Chiếc điện thoại trên liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, màu vàng, số IMEI 1: 35727909374455; số IMEI 2: 357279093668134, số thuê bao 0936150703 (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong). Đây là tài sản cá nhân của bị cáo Trần Minh S không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- 01 (một) cái điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy Z Fold 3 5G, màu đen, số IMEI 1: 356254950582711; số IMEI 2: 359073940582717, không có sim (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong). Đây là tài sản cá nhân của bị cáo Trần Minh S không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- 01 (một) cái đèn chiếu lazer, màu bạc, không nhãn hiệu, loại TX888 là công cụ dùng cho mục đích phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) cái đèn chiếu lazer, màu đen, không nhãn hiệu, loại K10+ là công cụ dùng cho mục đích phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) cái đèn chiếu lazer, màu đen xám, không nhãn hiệu là công cụ dùng cho mục đích phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) cái remote là công cụ dùng cho mục đích phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) cái máy chiếu màu đen, không nhãn hiệu là công cụ dùng cho mục đích phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 02 (hai) cái loa âm thanh, màu đen, hiệu KPK-SYSTEMS, loại Classic 5 là công cụ dùng cho mục đích phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) cái loa âm thanh, màu đen, hiệu L4 2623 và 01 (một) loa nhỏ đi kèm là công cụ dùng cho mục đích phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) cái máy chiếu, màu trắng, không nhãn hiệu, loại TX888 là công cụ dùng cho mục đích phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) cái đèn chiếu, màu đen, không nhãn hiệu là công cụ dùng cho mục đích phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) cái máy chiếu, màu đen, không nhãn hiệu, có ký hiệu hình ngôi sao tại chân đế là công cụ dùng cho mục đích phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) cái máy chiếu, màu trắng, không nhãn hiệu là công cụ dùng cho mục đích phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) cái máy chiếu lazer, màu đen, không nhãn hiệu là công cụ dùng cho mục đích phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) cái loa âm thanh, màu trắng, hiệu H7 là công cụ dùng cho mục đích phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) chiếc xe gắn máy hiệu SH 150i, biển số : 59H1-831.16, số khung RLHKF2507GY034007, số máy: KF25E0034052. Đây là tài sản cá nhân của bị cáo Trần Minh S không liên quan đến hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho bị cáo.

- 02 (hai) gói niêm phong ma túy, số vụ: 852,853/2023. Xét, đây là vật cấm lưu hành, không có giá trị sử dụng nên xét tịch thu tiêu hủy.

- 05 (năm) bình kim loại, màu xanh là công cụ dùng cho mục đích phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm d Khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt:

Bị cáo Trần Minh S 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" và 03 (Ba) năm 06 (S3) tháng tù về tội "Môi giới mại dâm".

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; tổng hợp hình phạt cho cả 02 tội, buộc bị cáo Trần Minh S phải chấp hành hình phạt chung là 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/04/2023.

2. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Trung N1 08 (T8) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 13/04/2023.

Bị cáo Trần Thanh Q 08 (T8) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 13/04/2023.

Bị cáo Trương Tấn D 08 (T8) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 13/04/2023.

Bị cáo Phan Văn S1 08 (T8) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 13/04/2023.

Bị cáo Nguyễn Thị Như H4 08 (T8) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 13/04/2023.

3. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Ngọc H 07 (bảy) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 26/04/2023.

4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt:

Bị cáo Ngô Văn V1 07 (Bảy) năm 06 (S3) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 13/04/2023.

5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt:

Bị cáo Ngô Đăng T4 07 (B2) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 26/04/2023.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 390; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị Lan A 09 (Chín) tháng tù về tội "Không tố giác tội phạm", nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Võ Thị Lan A cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Bị cáo Võ Thị Lan A phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo Luật thi hành án hình sự. Trường hợp bị cáo Võ Thị Lan A thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Võ Thị Lan A cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Võ Thị Lan A phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

6. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021:

6.1. Tịch thu tiêu hủy :

- 01 (một) cái đĩa sứ màu đen

- 01 (một) cái khay gỗ

- 01 (một) cái thẻ nhựa ATM của ngân hàng T11 màu tím có ghi tên CHAU TRUONG GIANG

- 01 (một) cái thẻ nhựa ATM ngân hàng B3 tên NGUYEN THANH PHUC, màu xanh

- 02 (hai) gói niêm phong ma túy, số vụ: 852,853/2023

- 05 (năm) bình kim loại, màu xanh

6.2. Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, màu vàng, số IMEI 357265099899047, số thuê bao: 0941002222, của T4 (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong).

- 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max, màu xanh, số IMEI 3520516944718865353, số thuê bao: 0396493630, của T6 (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong).

- 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max, màu tím, số IMEI 355656663389104, số thuê bao: 0879499769, của Q1 (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong).

- 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max, màu vàng, số IMEI 353776398849008, số thuê bao: 0931404098, của H6 (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong).

- 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max, màu vàng, số IMEI 1 354786257181475, số IMEI 2 354786257185211, số thuê bao: 0798386262, của H (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong).

- 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max, màu tím, số IMEI 1: 357853683994215; số IMEI 2: 357853683862230, của S1 (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong).

- 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Vsmart, màu xanh, số IMEI 1: 351088466032877; số IMEI 2: 351088466032885, số thuê bao: 0934112733, của Q (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong).

- 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, số IMEI 1: 356696081370667, số thuê bao: 0962966641, của Lan A (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong).

- 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, màu trắng, số IMEI 1: 353902101328227 ; số IMEI 2: 353902101414027, số thuê bao: 0938238059, của D (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong).

- 01 (một) chiếc xe máy hiệu Honda Vario biển số : 50N1-970.99. Qua xác minh chiếc xe trên do Trương Tấn D đứng tên chủ sở hữu.

- 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Iphone X, màu trắng, số IMEI: 354839094835173, số thuê bao: 0793369698, của H4 (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong).

- 01 (một) cái máy chỉnh nhạc hiệu Pioneer DJ, loại XDJ-RX3, màu đen, số Seri : BKMP006241YY (đã qua sử dụng).

- 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max, màu xanh, số IMEI 1: 356955705683642; số IMEI 2: 356955705613342, số thuê bao: 0765408480, của N3 (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong).

- 02 (hai) tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn tròn dạng ống hút.

- 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max, màu tím, số IMEI 1: 356200543443200; số IMEI 2: 356200543016634, số thuê bao: 0964182999 (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong).

- 01 (một) cái đèn chiếu lazer, màu bạc, không nhãn hiệu, loại TX888.

- 01 (một) cái đèn chiếu lazer, màu đen, không nhãn hiệu, loại K10+.

- 01 (một) cái đèn chiếu lazer, màu đen xám, không nhãn hiệu.

- 01 (một) cái remote.

- 01 (một) cái máy chiếu màu đen, không nhãn hiệu.

- 02 (hai) cái loa âm thanh, màu đen, hiệu KPK-SYSTEMS, loại Classic 5.

- 01 (một) cái loa âm thanh, màu đen, hiệu L4 2623 và 01 (một) loa nhỏ đi kèm.

- 01 (một) cái máy chiếu, màu đen, không nhãn hiệu.

- 01 (một) cái đèn chiếu, màu đen, không nhãn hiệu, có ký hiệu hình ngôi sao tại chân đế.

- 01 (một) cái máy chiếu, màu trắng, không nhãn hiệu.

- 01 (một) cái máy chiếu lazer, màu đen, không nhãn hiệu.

- 01 (một) cái loa âm thanh, màu trắng, hiệu Harman/Kardon.

- 01 (một) cái máy chiếu, màu trắng, không nhãn hiệu, loại TX888.

6.3. Trả lại:

- Cho bị cáo Trần Minh S:

+ 01 (một) cái điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy Z Fold 3 5G, màu đen, số IMEI 1: 356254950582711; số IMEI 2: 359073940582717, không có sim (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong);

+ 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, màu vàng, số IMEI 1: 35727909374455; số IMEI 2: 357279093668134, số thuê bao: 0936150703 (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong).

+ 01 (một) chiếc xe gắn máy hiệu Sh 150i, biển số : 59H1-831.16, số khung RLHKF2507GY034007, số máy: KF25E0034052.

- Cho bị cáo Ngô Văn V1: 01 (một) cái điện thoại di động hiệu SamSung, màu bạc, số IMEI 35281006471004, số thuê bao: 0976543881 của V1 (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong).

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số: 066 ngày 11/03/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh).

7. Buộc bị cáo Trần Minh S nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 214.000.000 (Hai trăm mười bốn triệu) đồng để sung quỹ nhà nước.

8. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

9. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo Võ Thị Lan A)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Lê Anh

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- VKSND Tp. HCM;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Q7;
- Các bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu sổ án, VT, hồ sơ (TK. Vân Anh).